Cơ quan:UBND tỉnh Quảng Bình
Giờ ký: 12/01/2022 16:34:02

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 69 /QĐ-UBND	*Quảng Bình, ngày 12 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phân loại cấp độ dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về việc Ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19";

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19".

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 81/SYT-NVY ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc phân loại cấp độ dịch COVID -19 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại cấp độ dịch COVID-19 để áp dụng các biện pháp hành chính "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Đối với cấp xã:

Cấp 1 - Nguy cơ thấp (bình thường mới) (vùng xanh): 143 đơn vị

Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 05 đơn vị.

Cấp 3 - Nguy cơ cao (vùng cam): 03 đơn vị.

2. Đối với cấp huyện:

Cấp 1 - Nguy cơ thấp (bình thường mới) (vùng xanh): 07 đơn vị

Cấp 2 - Nguy cơ trung bình (vùng vàng): 01 đơn vị.

3. Đối với cấp tỉnh: Cấp 1 - Nguy cơ thấp (bình thường mới) (vùng xanh).

PHỤ LỤC
PHÂN LOẠI CẤP ĐỘ DỊCH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 69 QĐ/UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
TOÀN TỈNH		**X**			
I	**TP ĐỒNG HỚI**	X			
1	Đức Ninh Đông	X			
2	Quang Phú	X			
3	Lộc Ninh	X			
4	Bảo Ninh	X			
5	Đồng Sơn	X			
6	Bắc Lý	X			
7	Nam Lý	X			
8	Hải Thành	X			
9	Đồng Phú	X			
10	Đồng Hải	X			
11	Phú Hải	X			
12	Thuận Đức	X			
13	Nghĩa Ninh	X			
14	Bắc Nghĩa	X			
15	Đức Ninh	X			
II	**HUYỆN TUYÊN HÓA**	X			
1	Đồng Lê	X			
2	Lâm Hóa	X			
3	Hương Hóa	X			
4	Thanh Thạch	X			
5	Kim Hóa	X			
6	Sơn Hóa	X			
7	Lê Hóa	X			
8	Thuận Hóa	X			
9	Đồng Hóa	X			
10	Thạch Hóa	X			
11	Đức Hóa	X			
12	Phong Hóa	X			
13	Mai Hóa	X			
14	Ngư Hóa	X			
15	Tiến Hóa			X	
16	Châu Hóa	X			
17	Thanh Hóa	X			
18	Cao Quảng	X			

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
5	Liên Trạch	X			
6	Cự Nẫm	X			
7	Phú Định	X			
8	Sơn Lộc	X			
9	Vạn Trạch	X			
10	Tây Trạch	X			
11	Hòa Trạch	X			
12	Nam Trạch	X			
13	Mỹ Trạch	X			
14	Hạ Trạch	X			
15	Bắc Trạch	X			
16	Thanh Trạch	X			
17	Hải Phú	X			
18	Đức Trạch	X			
19	Đồng Trạch	X			
20	Trung Trạch	X			
21	Đại Trạch	X			
22	Nhân Trạch	X			
23	Lý Trạch	X			
24	Hoàn Lão	X			
25	NT Việt Trung	X			
26	Thượng Trạch	X			
27	Tân Trạch	X			
28	Phúc Trạch	X			
VI	**HUYỆN QUẢNG NINH**	X			
1	Quán Hàu	X			
2	Vĩnh Ninh	X			
3	Trường Xuân			X	
4	Trường Sơn	X			
5	Duy Ninh	X			
6	Hàm Ninh	X			
7	Hiền Ninh	X			
8	Tân Ninh	X			
9	Xuân Ninh	X			
10	An Ninh	X			
11	Vạn Ninh	X			
12	Lương Ninh	X			
13	Võ Ninh	X			
14	Gia Ninh	X			
15	Hải Ninh	X			

TT	ĐƠN VỊ	CẤP 1 (Vùng xanh)	CẤP 2 (Vùng vàng)	CẤP 3 (Vùng cam)	CẤP 4 (Vùng đỏ)
13	Quảng Tiên	X			
14	Quảng Trung	X			
15	Quảng Tân	X			
16	Quảng Văn	X			